

## **KẾT QUẢ THỬ NGHIỆM CÁC TỔ HỢP LAI CÀ CHUA MỚI TRÊN VÙNG ĐẤT VEN BIỂN CÁC TỈNH BẮC BỘ Ở VỤ THU ĐÔNG VÀ XUÂN HÈ**

Nguyễn Hồng Minh, Trần Thiện Long\*, Nguyễn Thị Minh

*Khoa Nông học, Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội*

*Email\*: thienlong@hua.edu.vn*

Ngày gửi bài: 17.05.2013

Ngày chấp nhận: 16.09.2013

### TÓM TẮT

Nghiên cứu tiến hành thử nghiệm 12 tổ hợp lai (THL) cà chua mới ở vụ thu đông 2011 và 10 THL ở vụ xuân hè 2012 trên 4 điểm thuộc các tỉnh ven biển Bắc Bộ gồm Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định. Trong 2 vụ thí nghiệm, các tổ hợp lai cho năng suất cao T10, T12, T18, T19 (vụ thu đông) và bốn tổ hợp lai T12, T16, T19, T26 (vụ xuân hè) cho năng suất cao, không nhiễm bệnh virus được tiếp tục lựa chọn thử nghiệm trong thời gian tới.

Từ khóa: Bệnh virus, cà chua chịu nóng, năng suất, tổ hợp lai.

### **The Result of Evaluating Process Some New Hybrid Tomato Combinations at the Northern Coastal Areas of Vietnam in Autumn and Spring-Summer Season**

#### ABSTRACT

A total of 22 new combinations of hybrid tomato were tested in 2011 autumn – winter (12 combinations) and 2012 Spring-Summer cropping season (10 combinations) at four locations in three provinces: Hai Phong, Thai Binh and Nam Dinh. Four hybrid combinations, T10, T12, T18 and T19 performed best in 2011 autumn – winter season and other four hybrid combinations, T12, T16, T19 and T26 showed high yield and low viral disease incidence in 2012 spring-summer season.

Keywords: Hybrid combinations, tomato, viral disease, yield.

#### 1. ĐẶT VẤN ĐỀ

Vùng đất đồng bằng ven biển phía Bắc nước ta có nhiều ưu thế về phát triển rau chất lượng cao, là vùng rau ngon nổi tiếng, cung cấp không những cho thị trường trong nước mà còn có tiềm năng xuất khẩu lớn cho các nước phương Bắc mùa Đông lạnh giá không thể sản xuất rau tươi theo phương pháp truyền thống. Cà chua là một trong những cây rau chủ lực, có ưu thế lớn về dinh dưỡng, kinh tế, lưu thông, phân phối các dạng sản phẩm với khối lượng lớn.

Từ 1996 tới nay các giống cà chua lai nhập vào nước ta ngày càng ào ạt. Các giống cà chua lai ngoại nhập có nhiều ưu điểm, song có một số hạn chế như thời gian sinh trưởng dài hơn, chất lượng tiêu dùng chưa cao, mức chịu nóng ảm (ở điều

kiện miền Bắc Việt Nam) còn hạn chế. Trung tâm nghiên cứu và phát triển giống rau chất lượng cao – Trường Đại học Nông nghiệp Hà Nội nhiều năm nay đã nghiên cứu đưa ra nhiều bộ giống cà chua lai khắc phục được những hạn chế nêu trên của các giống nhập nội. Đó là các giống chín sớm, chịu nóng cao, năng suất tốt như HT7 (Nguyễn Hồng Minh và Kiều Thị Thu, 2000), HT25, HT152,...; các giống chịu nóng tốt, chất lượng cao, năng suất tốt, chín sớm như HT21, HT42, HT160 (Nguyễn Hồng Minh và Kiều Thị Thu, 2006; Nguyễn Hồng Minh & cs., 2011a,b; Nguyễn Hồng Minh & cs., 2011c), giống chịu nóng cao, năng suất, chịu bệnh virus tốt như HT9, và các giống khác,... Đã đưa ra giống cà chua lai quả nhỏ HT144, chín sớm, năng suất, chất lượng tốt, chịu nóng. Các giống cà chua lai trên phát triển sản xuất nhiều năm liên tục.

Kết quả thử nghiệm các tổ hợp lai cà chua mới trên vùng đất ven biển các tỉnh Bắc bộ ở vụ thu đông và xuân hè

Việc nghiên cứu đưa ra các giống cà chua có khả năng chống chịu nóng, một số bệnh hại, thích hợp trồng trên nhiều vùng đất, có thời gian sinh trưởng ngắn, chất lượng cao, khắc phục được một số nhược điểm của các giống nhập nội (chất lượng chưa cao, thời gian sinh trưởng dài,...) luôn là đòi hỏi rất bức thiết của sản xuất. Để phát triển hơn nữa các giống cà chua lai thương hiệu HT trên vùng đất ven biển các Tỉnh Bắc bộ - vùng đất có nhiều tiềm năng về phát triển cà chua chất lượng cao, trong bài đăng này, chúng tôi trình bày một số kết quả thử nghiệm các tổ hợp lai cà chua mới trên vùng đất ven biển các tỉnh Bắc bộ (Hải Phòng, Thái Bình, Nam Định).

## 2. VẬT LIỆU VÀ PHƯƠNG PHÁP

Từ kết quả của các thí nghiệm nghiên cứu về đánh giá, sàng lọc các THL của Trung tâm nghiên cứu và phát triển giống rau chất lượng cao - Đại học Nông nghiệp Hà Nội đã rút ra được các THL triển vọng. Từ bộ vật liệu này đã lựa chọn các THL đưa vào nghiên cứu thích ứng sinh thái trên 4 điểm thuộc các Huyện ven biển tỉnh Nam Định, Thái Bình, Hải Phòng:

- Thí nghiệm đánh giá ở vụ thu đông 2011 đã sử dụng 12 THL: T10, T11, T12, T13, T14,

T15, T16, T17, T18, T19, T20, T21 và đối chứng Savior (nhập nội).

- Thí nghiệm đánh giá ở vụ xuân hè 2012 đã sử dụng 10 THL: T11, T12, T14, T15, T16, T18, T19, T21, T25, T26 và đối chứng Perfect 89 (nhập nội).

Thí nghiệm được bố trí theo phương pháp khối ngẫu nhiên 3 lần lặp lại, mỗi ô thí nghiệm 14m<sup>2</sup>, trồng 36 cây. Tiến hành theo dõi, đánh giá các chỉ tiêu về sinh trưởng, cấu trúc cây, tỷ lệ đậu quả, các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất, một số chỉ tiêu về chất lượng, mức độ nhiễm một số bệnh hại trên đồng ruộng của các THL trên 4 địa bàn ở 2 thời vụ thu đông và xuân hè.

+ Bệnh virus: đánh giá theo triệu chứng bệnh trên đồng ruộng (tính theo phần trăm cây nhiễm bệnh).

+ Bệnh mốc sương: đánh giá theo thang điểm 1-5 (1: 1-19%, 2: 20-39%, 3: 40-59%, 4: 60-79%, 5: >80% diện tích lá bị bệnh)

+ Bệnh chết héo xanh: đánh giá theo tỷ lệ phần trăm cây bị chết

Thời vụ bố trí thí nghiệm (xem bảng dưới).

Kết quả nghiên cứu được phân tích phương sai (ANOVA) theo IRRISTAT 4.0.

Địa điểm	Vụ Thu đông 2011				Vụ Xuân hè 2012			
	NH	HH	TB	HP	NH	HH	TB	HP
Ngày gieo hạt	17/8	17/8	16/8	15/8	4/2	3/2	2/2	29/1
Ngày rỗng cây ra ruộng	21/9	20/9	19/9	13/9	4/3	3/3	2/3	28/2

Ghi chú: NH: Nghĩa Hưng, Nam Định; HH: Hải Hậu, Nam Định; TB: Thái Bình; HP: Hải Phòng (vụ Thu đông - Đồ Sơn, vụ Xuân hè - Tiên Lãng)

## 3. KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU

### 3.1. Kết quả thử nghiệm các THL cà chua mới trên 4 điểm thuộc các Huyện ven biển Bắc bộ ở vụ thu đông 2011

Kết quả đánh giá các chỉ tiêu liên quan đến sinh trưởng, cấu trúc cây, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, tình hình nhiễm một số bệnh hại và một số chỉ tiêu về chất lượng quả ở

vụ thu đông 2011 trên các điểm thử nghiệm được trình bày ở bảng 1.

#### 3.1.1. Xã Nam Diễn, Nghĩa Hưng, Nam Định

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm và trung bình (4THL), có khả năng đậu quả tốt, sai quả. 10/12 THL có năng suất cá thể lớn hơn 3000g/cây. Đã thu được 5 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, 3 THL tương đương đối chứng (Bảng 1).

Ở điều kiện vụ thu đông 2011, không quan sát thấy bệnh virus hoặc xuất hiện ở mức nhẹ trên các giống thí nghiệm, bệnh mốc sương ở mức độ rất nhẹ, bệnh chết héo xanh không đáng kể.

Các THL thí nghiệm có màu sắc chín đỏ đẹp, quả chắc, đa số thuộc dạng quả tròn - cao thành. Kết quả phân tích cho thấy độ Brix của các THL thử nghiệm ở vụ thu đông đạt mức cao (Bảng 1).

### 3.1.2. Xã Hải Hòa, Hải Hậu, Nam Định

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm và trung bình, thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn, có khả năng đậu quả tốt, sai quả. 5/12 THL có năng suất cá thể lớn hơn 3000g/cây, 5 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, 1 THL tương đương đối chứng (Bảng 2).

Ở điều kiện vụ thu đông 2011, bệnh virus xuất hiện ở mức nhẹ trên các giống thí nghiệm, riêng 2 THL T16 và T21 không thấy xuất hiện, bệnh mốc sương ở mức độ rất nhẹ, bệnh chết héo xanh không đáng kể.

Kết quả phân tích cho thấy các THL trên địa bàn thử nghiệm ở vụ thu đông có độ Brix cao (Bảng 2).

### 3.1.3. Xã Đông Xuyên, Tiên Hải, Thái Bình

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm và trung bình, thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn, có khả năng đậu quả tốt, sai quả, 9 THL có độ lớn quả thuộc nhóm trung bình; 3 THL thuộc nhóm quả lớn; 10/12 THL có năng suất cá thể lớn hơn 3000g/cây; 3 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, 5 THL tương đương đối chứng (Bảng 3).

Ở điều kiện vụ thu đông 2011, quan sát thấy bệnh virus xuất hiện ở mức nhẹ trên các giống thí nghiệm, 3 THL không thấy xuất hiện là T12, T16, T21, bệnh mốc sương ở mức độ rất nhẹ (0-2 điểm), bệnh chết héo xanh không đáng kể (0-2,5%).

Kết quả phân tích cho thấy các THL tại địa bàn thử nghiệm ở vụ thu đông có độ Brix cao (Bảng 3).

**Bảng 1. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ thu đông 2011 trên điểm thử nghiệm xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T10	64	111,0	76,6	50,5	70,2	3194,0	73,4c	4,90
2	T11	66	116,3	75,8	49,7	71,0	3207,8	73,3cd	4,85
3	T12	68	120,7	81,9	63,5	63,7	3652,3	82,4a	4,50
4	T13	67	121,3	73,4	45,5	68,8	2861,8	64,4e	4,77
5	T14	67	120,0	77,7	50,7	67,8	3086,1	69,4d	4,88
6	T15	67	122,3	72,2	48,7	69,5	3083,4	70,5d	4,90
7	T16	69	120,6	72,6	58,3	63,3	3348,9	76,5b	5,05
8	T17	76	128,0	66,7	37,5	91,1	3150,5	68,8d	4,74
9	T18	74	127,8	71,8	40,6	93,8	3390,4	76,3b	4,70
10	T19	67	112,3	78,8	54,3	67,2	3281,3	75,0bc	4,87
11	T20	76	119,3	68,0	33,6	93,8	2846,9	62,1e	4,65
12	T21	67	104,4	73,4	61,3	65,0	3588,6	80,7a	5,12
Đ/c	Savior	76	131,3	75,6	43,3	77,8	3110,8	71,1cd	4,76
CV%								2,4	
LSD (5%)								2,9	

Kết quả thử nghiệm các tổ hợp lai cà chua mới trên vùng đất ven biển các tỉnh Bắc bộ ở vụ thu đông và xuân hè

**Bảng 2. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ thu đông 2011 trên điểm thử nghiệm xã Hải Hòa, huyện Hải Hậu, tỉnh Nam Định**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T10	65	101,3	78,5	41,0	72,7	2778,2	63,3c	5,56
2	T11	68	110,2	79,0	42,7	73,5	2940,5	67,2b	5,01
3	T12	70	116,5	82,3	52,0	65,0	3198,2	73,1a	4,55
4	T13	68	108,8	70,6	38,6	71,7	2619,4	58,0d	4,75
5	T14	68	122,7	75,8	46,7	72,6	3146,7	70,8ab	4,65
6	T15	69	111,3	74,0	43,6	72,0	2909,4	66,5bc	4,75
7	T16	69	116,3	77,2	46,2	65,5	2878,8	65,8bc	4,55
8	T17	76	99,2	63,7	33,7	96,2	2876,8	63,7c	4,48
9	T18	74	120,7	70,1	37,0	95,6	3244,5	73,3a	4,50
10	T19	67	110,8	80,8	47,6	72,6	3180,6	72,7a	4,48
11	T20	74	120,5	70,5	26,1	95,0	2542,6	56,3d	4,60
12	T21	67	100,2	76,7	47,3	67,2	3088,8	70,6ab	4,93
Đ/c	Savior	75	124,7	73,4	39,2	81,4	2983,8	68,2b	4,76
CV%								2,9	
LSD (5%)								3,3	

**Bảng 3. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ thu đông 2011 trên điểm thử nghiệm xã Đông Xuyên, huyện Tiền Hải, tỉnh Thái Bình**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T10	65	110,7	83,4	49,0	71,0	3193,0	73,0b	5,10
2	T11	68	112,5	82,0	47,8	71,8	3140,5	71,8b	5,20
3	T12	70	121,7	82,8	55,2	64,8	3215,5	73,5b	5,08
4	T13	70	112,3	74,0	43,7	70,1	2944,5	65,5d	4,80
5	T14	68	120,8	76,4	51,3	70,0	3366,1	76,8a	4,61
6	T15	68	117,5	73,1	46,8	70,7	3005,5	68,7c	4,75
7	T16	69	108,5	78,5	47,0	68,7	2988,1	68,3c	4,70
8	T17	77	115,3	65,3	38,8	95,8	3513,5	77,8a	4,65
9	T18	74	125,0	70,7	39,5	94,5	3285,3	73,4b	4,75
10	T19	67	117,5	81,0	49,4	72,0	3259,4	74,5ab	4,66
11	T20	74	107,6	71,5	23,7	95,7	2056,0	54,4e	4,70
12	T21	68	108,3	80,7	50,5	68,2	3185,5	72,9b	5,02
Đ/c	Savior	77	128,5	76,5	41,7	82,0	3150,6	72,0b	4,82
CV%								2,3	
LSD (5%)								2,7	

### 3.1.4. Bàn La, Đồ Sơn, Hải Phòng

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm và trung bình, thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn, có khả năng đậu quả tốt, sai quả, 8 THL có độ lớn quả thuộc nhóm trung bình, 3 THL thuộc nhóm quả lớn. 5/11 THL có năng suất cá thể lớn hơn 3000g/cây. Đã thu được 2 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, 8 THL tương đương đối chứng (bảng 4).

Ở điều kiện vụ thu đông 2011, không quan sát thấy bệnh virus hoặc xuất hiện ở mức nhẹ trên các giống thí nghiệm, bệnh mốc sương ở mức độ rất nhẹ (0-1,5 điểm), bệnh chết héo xanh không đáng kể (0-3,1%).

Các THL thí nghiệm có màu sắc chín đỏ đẹp, quả chắc, đa số thuộc dạng quả tròn - cao thành. Đặc biệt ở điều kiện đồng đất vùng Đồ Sơn, đã quan sát thấy độ Brix của các THL thí nghiệm ở vụ thu đông tăng vượt trội hơn so với các vùng khác (Bảng 4).

Kết quả đánh giá các THL cà chua mới trên 4 điểm thử nghiệm thuộc vùng ven biển Bắc bộ ở vụ thu đông đã rút ra các THL ưu tú: T10,

T12, T18, T19 sử dụng cho các mô hình thử nghiệm tiếp theo.

## 3.2. Kết quả thử nghiệm các THL cà chua mới trên 4 điểm thuộc các huyện ven biển Bắc bộ ở vụ xuân hè 2012

### 3.2.1. Xã Nam Điền, Nghĩa Hưng, Nam Định

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm (riêng T18 thuộc nhóm chín trung bình). Ở điều kiện vụ nóng xuân hè, hầu hết các THL có khả năng đậu quả tốt, năng suất cá thể của 7/9 THL đạt cao hơn 1.900g/cây, 4 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, số còn lại tương đương đối chứng (Bảng 5). Ở điều kiện vụ xuân hè 2012, bệnh virus xuất hiện ở mức độ cao hơn so với các vụ khác, bệnh mốc sương ở mức độ nhẹ, bệnh chết héo xanh dao động khoảng 2,5-4,5%.

Các THL thí nghiệm có quả chín đỏ đều, đa số thuộc dạng quả tròn - cao thành, quả chắc. Ở vụ xuân hè độ Brix có mức biến động đáng kể giữa các THL và đạt mức khá cao (Bảng 5).

**Bảng 4. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ thu đông 2011 tại Đồ Sơn - Hải Phòng**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T10	65	105,1	81,7	42,2	74,5	2779,5	61,5c	7,62
2	T11	68	107,5	83,0	46,0	72,3	3007,3	66,9bc	7,38
3	T12	70	117,1	83,5	47,9	66,2	2796,1	62,3c	7,65
4	T13	70	115,7	75,4	38,3	84,0	2847,1	63,0c	7,65
5	T14	70	113,3	77,3	39,8	80,2	2897,8	64,5c	7,40
6	T15	65	103,8	80,1	47,8	77,1	3323,6	73,6ab	7,03
7	T16	66	103,1	75,8	41,8	76,0	2878,8	63,7c	7,22
8	T17	76	108,8	68,3	36,8	97,2	3098,1	66,4bc	6,73
9	T18	75	114,6	73,1	37,5	96,3	3205,1	70,0b	7,08
10	T19	68	113,7	82,7	52,1	73,7	3487,3	77,2a	6,95
11	T20	73	116,6	72,8	28,8	97,6	2464,0	52,8d	6,78
Đ/c	Savior	77	126,7	77,2	35,2	96,2	3016,0	66,8bc	7,28
CV%								4,0	
LSD (5%)								4,4	

Kết quả thử nghiệm các tổ hợp lai cà chua mới trên vùng đất ven biển các tỉnh Bắc bộ ở vụ thu đông và xuân hè

**Bảng 5. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ xuân hè 2012 trên điểm thử nghiệm xã Nam Điền, huyện Nghĩa Hưng, tỉnh Nam Định**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T11	62	100,7	71,8	37,0	63,0	2195,8	50,0a	5,12
2	T12	64	100,5	69,2	38,8	58,5	2085,7	47,6ab	5,17
3	T14	62	111,3	72,3	37,0	62,0	2154,4	49,0ab	4,85
4	T15	63	95,6	67,4	34,6	59,0	1903,2	43,4b	4,90
5	T16	63	95,2	67,0	34,8	62,7	1989,0	45,4b	5,17
6	T18	70	97,5	64,0	25,6	73,8	1764,1	39,1ab	4,83
7	T19	63	100,7	68,8	36,6	58,6	2022,5	46,2c	5,03
8	T21	63	81,2	69,2	33,8	54,3	1889,2	43,3b	5,20
9	T26	63	86,7	70,7	37,0	63,7	1964,2	44,9b	4,82
Đ/c	Perfect 89	65	99,8	66,2	31,0	61,0	1795,7	41,6bc	5,10
CV%								5,1	
LSD (5%)								3,9	

### 3.2.2. Xã Hải Xuân, Hải Hậu, Nam Định

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm, có khả năng đậu quả tốt (Bảng 6). Năng suất cá thể của 3/9 THL đạt cao hơn 1.900 g/cây. Thí nghiệm đã thu được 5 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, số còn lại tương đương đối chứng. Ở điều kiện vụ xuân hè 2012, bệnh virus xuất

hiện ở mức độ cao hơn so với các vụ khác, riêng THL T16 không xuất hiện, bệnh mốc sương ở mức độ nhẹ, bệnh chết héo xanh dao động khoảng 0-4,5%. Ở vụ xuân hè độ Brix của các THL tại Hải Xuân, Hải Hậu, Nam Định đạt mức khá cao.

**Bảng 6. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ xuân hè 2012 trên điểm thử nghiệm Xã Hải Xuân, Huyện Hải Hậu, Tỉnh Nam Định**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T11	63	97,1	69,7	34,1	62,4	1951,3	44,6a	4,80
2	T12	64	95,8	71,6	33,4	57,1	1850,7	42,3ab	4,68
3	T14	63	100,2	70,5	34,5	60,3	1933,4	43,5ab	4,67
4	T15	64	92,5	65,8	27,0	63,0	1610,1	36,8c	5,05
5	T16	64	96,0	65,7	32,0	63,3	1824,4	41,7ab	4,88
6	T18	70	95,6	60,5	24,3	76,5	1738,8	38,5bc	4,65
7	T19	63	92,7	70,6	34,7	59,4	1938,2	44,3ab	4,90
8	T21	64	86,5	70,1	33,4	57,5	1785,0	40,8b	5,06
9	T26	63	90,4	67,0	27,2	61,7	1675,7	40,0bc	4,80
Đ/c	Perfect 89	65	96,8	71,5	32,0	61,8	1758,8	38,3bc	4,90
CV%								5,3	
LSD (5%)								3,7	

**3.2.3. Xã Đông Xuyên, Tiên Hải, Thái Bình**

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm, thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn, có khả năng đậu quả tốt. Năng suất cá thể của 4/10 THL đạt cao hơn 1.900g/cây. Thí nghiệm đã thu được 6 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, số còn lại tương đương đối chứng (Bảng 7).

Ở điều kiện vụ xuân hè 2012, bệnh virus xuất hiện ở mức độ cao hơn so với các vụ khác với tỷ lệ từ 1,5 đến 3,1%, bệnh mốc sương ở mức độ nhẹ, bệnh chết héo cây dao động khoảng 2,5-4,5%; riêng THL T12 không thấy xuất hiện bệnh virus và chết héo xanh.

So với vụ thu đông ở vụ xuân hè có độ Brix thấp hơn, song vẫn đạt mức khá cao (Bảng 7).

**3.2.4. Xã Hùng Thắng, Tiên Lãng, Hải Phòng**

Các THL thí nghiệm thuộc nhóm chín sớm (riêng T18 thuộc nhóm chín trung bình), thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn. Ở điều kiện vụ nóng xuân hè, hầu hết các THL có khả năng đậu

quả tốt, 2 THL T21 và T14 có NSCT thấp hơn đối chứng (133,5g/cây), các THL còn lại có NSCT cao hơn đối chứng (1346,5-2012,3g/cây) trong đó cao nhất là T26. Thí nghiệm đã thu được 7 THL có năng suất vượt hơn đối chứng, 3 THL còn lại tương đương đối chứng (Bảng 8).

Ở điều kiện vụ xuân hè 2012, bệnh virus xuất hiện ở mức độ cao hơn so với các vụ khác, 3THL T16, T19, T21 không bị nhiễm, bệnh mốc sương ở mức độ nhẹ (0-1,5 điểm), bệnh chết héo xanh dao động khoảng 0-3,1%.

Các THL thí nghiệm có quả chín đỏ đều, đa số thuộc dạng quả tròn - cao thành, quả chắc. Kết quả phân tích cho thấy các THL tại địa bàn thử nghiệm ở vụ xuân hè có độ Brix đạt mức khá cao (Bảng 8).

Kết quả đánh giá các THL cà chua mới trên 4 điểm thử nghiệm thuộc vùng ven biển Bắc bộ ở vụ xuân hè đã rút ra các THL ưu tú: T12, T16, T19, T26 sử dụng cho các mô hình thử nghiệm tiếp theo.

**Bảng 7. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, độ Brix của các THL ở vụ xuân hè 2012 trên điểm thử nghiệm xã Đông Xuyên, huyện Tiên Hải, tỉnh Thái Bình**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T11	62	98,5	70,2	33,0	64,5	1903,2	43,5a	4,80
2	T12	63	110,3	72,5	36,7	60,3	2003,8	45,8a	4,75
3	T14	62	101,4	67,0	34,8	61,7	1951,3	44,6a	4,90
4	T15	62	97,4	66,8	28,7	62,0	1693,2	38,7b	5,10
5	T16	62	97,7	70,0	33,0	61,2	1968,8	45,0a	4,95
6	T18	67	100,7	66,2	22,4	75,5	1558,2	44,5a	4,50
7	T19	61	95,8	60,1	34,0	61,0	1977,5	45,2a	4,87
8	T21	64	90,7	70,5	28,8	58,3	1557,5	35,6b	5,06
9	T25	60	99,6	70,4	27,2	63,0	1693,2	38,7b	4,56
10	T26	63	89,5	67,0	30,1	64,2	1779,4	39,3b	4,78
Đ/c	Perfect 89	66	98,5	65,7	28,5	60,2	1688,8	38,6b	4,96
CV%								5,4	
LSD (5%)								3,8	

Kết quả thử nghiệm các tổ hợp lai cà chua mới trên vùng đất ven biển các tỉnh Bắc bộ ở vụ thu đông và xuân hè

**Bảng 8. Một số đặc điểm về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất và năng suất, Brix của các THL ở vụ xuân hè 2012 trên điểm thử nghiệm xã Hùng Thắng, huyện Tiên Lãng, tỉnh Hải Phòng**

Stt	THL	Từ trồng tới thu lứa quả đầu (ngày)	Chiều cao cây (cm)	Tỷ lệ đậu quả (%)	Số quả/cây	KLTB nhóm quả lớn (g)	Năng suất cá thể (g)	Năng suất Tấn/ha	Độ Brix
1	T11	60	96,9	73,7	32,7	62,7	1860,2	42,5b	4,85
2	T12	63	98,2	74,0	31,8	56,8	1626,6	37,2c	5,08
3	T14	61	100,7	70,1	26,1	54,0	1217,5	27,9d	5,04
4	T15	61	101,0	68,0	25,6	58,5	1346,5	30,8d	5,68
5	T16	60	102,5	71,5	29,2	65,5	1677,3	38,3c	5,07
6	T18	67	99,5	63,8	21,2	91,0	1658,3	37,9c	4,87
7	T19	60	100,3	66,3	31,4	56,7	1618,6	37,0c	5,85
8	T21	64	92,1	69,0	23,8	56,6	1202,9	27,5d	5,47
9	T25	59	97,7	72,0	29,8	64,9	1729,1	39,5bc	4,73
10	T26	61	101,6	71,1	36,0	62,2	2012,3	45,9a	4,78
Đ/c	Perfect 89	64	97,7	68,7	26,4	57,8	1335,5	30,5d	5,04
CV%								5,6	
LSD (5%)								3,4	

#### 4. KẾT LUẬN

Đa số các THL thử nghiệm ở vụ thu đông thuộc nhóm chín sớm (8THL), 4 THL còn lại thuộc nhóm chín trung bình, có khả năng sinh trưởng khỏe, hầu hết thuộc dạng sinh trưởng bán hữu hạn.

Các THL thử nghiệm có khả năng đậu quả tốt ở vụ thu đông. Ở vụ này đã thu được các THL sau đây cho năng suất cao trên các điểm thử nghiệm: T10, T12, T18, T19, trong số 4 điểm thử nghiệm, điểm xã Hải Hòa - Hải Hậu - Nam Định cho năng suất thấp hơn các điểm khác.

Ở vụ xuân hè chiều cao cây và thời gian sinh trưởng của các THL thử nghiệm rút ngắn hơn so với vụ thu đông. Kết quả đánh giá đã thu được các THL sau đây có khả năng đậu quả tốt, cho năng suất cao và không nhiễm bệnh virus ở điều kiện vụ nóng xuân hè: T12, T16, T19, T26.

Nhìn chung các THL thử nghiệm trên vùng đất ven biển các tỉnh Bắc bộ có độ Brix cao (cao hơn các vùng khác), độ Brix ở vụ thu đông cao hơn ở vụ xuân hè. Đặc biệt ở điểm thử nghiệm Bàng La - Đồ Sơn - Hải Phòng cà chua có độ Brix cao nổi trội.

Qua kết quả đánh giá tập hợp các chỉ tiêu về sinh trưởng, các yếu tố cấu thành năng suất, năng suất và chất lượng của các THL cà chua

mới trên 4 điểm thử nghiệm, chúng tôi đã rút ra một số THL ưu tú cho vùng đất ven biển Bắc bộ (thuộc các Tỉnh: Nam Định, Thái Bình và Hải Phòng) như sau:

+ Vụ thu đông: T10, T12, T18, T19

+ Vụ xuân hè: T12, T16, T19, T26

Các THL ưu tú trên tiếp tục được sử dụng cho các mô hình thử nghiệm tiếp theo.

#### TÀI LIỆU THAM KHẢO

- Nguyễn Hồng Minh, Kiều Thị Thụ (2000). Báo cáo công nhận giống cà chua lai HT7. Bộ Nông nghiệp và PTNT, tháng 9/2000.
- Nguyễn Hồng Minh, Kiều Thị Thụ (2006). Giống cà chua lai HT21. Tạp chí KHKT Nông nghiệp, 4 (4): 47-50.
- Nguyễn Hồng Minh, [Kiều Thị Thụ], Lê Thị Tuyết Châm (2011). Kết quả nghiên cứu tạo ra giống cà chua lai HT42. Tạp chí Nông nghiệp và PTNT, chuyên đề giống cây trồng, vật nuôi, tập 1(6): 107-112.
- Nguyễn Hồng Minh, [Kiều Thị Thụ], Phạm Thị Ân (2011). Kết quả nghiên cứu tạo ra giống cà chua lai HT160. Tạp chí NN và PTNT, chuyên đề giống cây trồng, vật nuôi, tập 1(6): 101-106.
- Nguyễn Hồng Minh, [Kiều Thị Thụ], Phạm Quang Tuấn (2011). Tạo giống cà chua lai quả nhỏ HT144. Tạp chí Khoa học và Phát triển, tập 9(1): 16-21.